

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày: 11/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Bà Lý Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc trường hợp phải có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-DS ngày 16/7/2024; Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 05/2024/TB-TA ngày 31/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-DS ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Trụ sở: Số 40-42-44, Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Việt Thái, chức vụ Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP K, Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1986.

Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1987 (chồng bà T).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (bà T, ông Ph vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2023 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP

K và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Việt Thái trình bày:

Ngày 10/5/2022 vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph (sau đây gọi tắt là bà T, ông Ph) có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long (sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP K) hợp đồng số 694/22/HĐHM/1009-6939, ngày 10/5/2022 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 694/22/HĐHM/1009-6939, ngày 10/5/2022 để vay số tiền là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 10.6%/năm (được điều chỉnh 03 tháng 1 lần), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trước thời điểm nợ quá hạn; mục đích vay bổ sung vốn nuôi tôm; thời hạn vay là 12 tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc khi đáo hạn hợp đồng, lãi 06 tháng trả 01 lần tính từ ngày vay.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số BV 107952, số vào sổ CH 01759 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng cấp cho bà Trần Thị T ngày 13/4/2015 có diện tích 39.884,8m²; thuộc thửa đất số 121; 126; 564; 565, tờ bản đồ số 20; tọa lạc tại ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và Quyền sử dụng đất số CY 673725, số vào sổ CS 161587 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Trần Thị T ngày 11/12/2020 có tổng diện tích là 30.001,9 m²; thuộc thửa đất số 01; 02; 03; 04, tờ bản đồ số 261-2020; tọa lạc tại ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình vay bà T, ông Ph đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng đã ký. Đến ngày 05/9/2024 vợ chồng bà T, ông Ph có trả cho Ngân hàng TMCP K được số tiền là 900.000.000 đồng. Ngân hàng Kiên Long đã trả lại cho vợ chồng bà T, ông Ph 01 giấy chứng nhận QSD đất số CY 673725, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Trần Thị T ngày 11/12/2020 có tổng diện tích 30.001,9 m². Tính đến ngày 11/9/2024 vợ chồng ông Ph, bà T còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi là 1.070.382.194 đồng. Trong đó nợ gốc là 606.480.548 đồng; Lãi chậm trả 14.090.440 đồng; Lãi quá hạn 449.811.206 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph phải trả số nợ vay còn thiếu tính đến ngày 11/9/2024 là 1.070.382.194 đồng. Trong đó nợ gốc là 606.480.548 đồng; Lãi chậm trả 14.090.440 đồng; Lãi quá hạn 449.811.206 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 12/09/2024 cho đến khi tất toán xong nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2024 vợ chồng bà Trần Thị T và ông Trần Văn Ph trình bày:

Vợ chồng bà T, ông Ph thừa nhận tính đến ngày 11/4/2024 vợ chồng ông Ph, bà T còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi là 1.827.519.853 đồng (một tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu năm trăm mười chín nghìn tám trăm năm mươi ba đồng). Vợ chồng ông Ph, bà T đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP K số nợ trên nhưng xin Ngân hàng cho thời gian trả nợ trong vòng 03 tháng (đến ngày 11/7/2024 sẽ trả đủ).

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Hồ sơ vay vốn của ông Ph, bà T; Bản kê tính lãi đến ngày 11/9/2024; Giấy ủy quyền tham gia tố tụng.

- *Tài liệu bị đơn cung cấp:* Đơn xin giảm tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị T và ông Trần Văn Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T, ông Ph không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP K với bị đơn bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Cụ thể, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu bị đơn vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph phải trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 11/9/2024 là 1.070.382.194 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 12/9/2024 đến khi tất toán xong nợ.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Việt Thái trình bày: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 05/9/2024 vợ chồng bà T, ông Ph có trả cho Ngân hàng TMCP K được số tiền là 900.000.000 đồng. Hiện tại vợ chồng bà T, ông Ph còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2024 là 1.070.382.194 đồng. Đại diện Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T, ông Ph phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2024 là 1.070.382.194 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi tất toán xong nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của vợ chồng bà T, ông Ph tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2024 thừa nhận ngày 10/5/2022 vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K để vay số tiền

là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) lãi suất thỏa thuận 10.6%/ năm (được điều chỉnh 03 tháng 1 lần), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trước thời điểm nợ quá hạn; mục đích vay bổ sung vốn nuôi tôm; thời hạn vay là 12 tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc khi đáo hạn hợp đồng, lãi 06 tháng trả 01 lần tính từ ngày vay. Hạn trả nợ cuối cùng là 11/5/2023. Trong quá trình vay vợ chồng bà T, ông Ph không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông vợ chồng bà T, ông Ph trả số tiền gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 11/9/2024 là 1.070.382.194 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/9/2024 đến khi tất toán xong nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian trả nợ: Tại biên bản hòa giải ngày 11/9/2024 vợ chồng bà T, ông Ph hẹn đến ngày 11/7/2024 sẽ thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng bà T, ông Ph vẫn chưa trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP K.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, vì cho rằng vợ chồng bà T, ông Ph hẹn đến ngày 11/7/2024 sẽ thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng, phía Ngân hàng cũng đồng ý cho vợ chồng bà T, ông Ph thời gian trả nợ là đến ngày 11/7/2024, nhưng đến nay vợ chồng bà T, ông Ph vẫn còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền trên một tỷ đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *“Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để ấn định thời gian cho vợ chồng bà T, ông Ph trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay gốc và lãi (tính đến ngày 11/9/2024) là 1.070.382.194 đồng. Trong đó nợ gốc là 606.480.548 đồng; Lãi chậm trả 14.090.440 đồng; Lãi quá hạn 449.811.206 đồng. Ngoài số tiền trên thì vợ chồng bà T, ông Ph còn phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/09/2024 cho đến khi tất toán xong nợ.

[4]. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng bà T, ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 44.111.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm mười một nghìn đồng). Ngày 06 tháng 9 năm 2024 vợ chồng bà T, ông Ph có đơn xin giảm tiền án phí do thiên tai, dịch bệnh dẫn đến hoa màu bị thiệt hại, mất mùa gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn không có đủ tài sản để nộp tiền án phí được Ban lãnh đạo ấp Minh Thành và UBND xã Minh Thuận xác nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho vợ chồng bà T, ông Ph 50% số tiền án phí phải nộp là 22.055.500 đồng (hai mươi hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Số tiền án phí còn lại vợ chồng bà T, ông Ph phải nộp là 22.055.500 đồng (hai mươi hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng TMCP K (người đại diện hợp pháp là ông Phạm Việt Thái) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.417.000 đồng (ba mươi triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003093 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, 217, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K đối với bị đơn bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2024 là 1.070.382.194 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi triệu ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng).

Trong đó nợ gốc là 606.480.548 đồng; Lãi chậm trả 14.090.440 đồng; Lãi quá hạn 449.811.206 đồng.

Ngoài số tiền trên, vợ chồng bà T, ông Ph còn phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi tất toán xong các khoản nợ.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng

TMCP K mà vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ (hoặc trả không đủ) cho Ngân hàng TMCP K theo quyết định của bản án này thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên phát mãi tài sản đảm bảo của ông vợ chồng bà T, ông Ph để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất số BV 107952, sổ vào sổ CH 01759 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng cấp cho bà Trần Thị T ngày 13/4/2015 có diện tích 39.884,8m²; thửa đất số 121; 126; 564; 565, tờ bản đồ số 20; tọa lạc tại ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký).

4. Sau khi ông vợ chồng bà T, ông Ph trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng TMCP K phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng bà T, ông Ph tài sản thế chấp là: Bản chính giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BV 107952, sổ vào sổ CH 01759 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng cấp cho bà Trần Thị T ngày 13/4/2015 có diện tích 39.884,8m²; thửa đất số 121; 126; 564; 565, tờ bản đồ số 20; tọa lạc tại ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (trừ trường hợp tài sản đảm bảo bị phát mãi để thu hồi nợ).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà T, ông Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 44.111.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm mười một nghìn đồng). Tuy nhiên, vợ chồng bà T, ông Ph có đơn xin giảm tiền án phí do gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn không có đủ tài sản để nộp tiền án phí được UBND xã Minh Thuận xác nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho vợ chồng bà T, ông Ph 50% số tiền án phí phải nộp là 22.055.500 đồng (hai mươi hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Số tiền án phí còn lại vợ chồng bà T, ông Ph phải nộp là 22.055.500 đồng (hai mươi hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng TMCP K (người đại diện hợp pháp là ông Phạm Việt Thái) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.417.000 đồng (ba mươi triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003093 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh